

trung tâm cho MSL ghép nhóm	Trung vị và tứ phân vị của MSL ghép nhóm									
Quan hệ song song trong KG	Đường thẳng và mặt phẳng song song	1			4a-4b (ĐS)				TL 4a(1 Đ)	TL4b(0,5Đ)
	Hai mặt phẳng song song	1			4c (ĐS)	4d (ĐS)				
Tổng		8	4		8	4	4	0	4	2
Tỷ lệ		20%	10%		10%	10%	20%		20%	10%
					40%			30%		

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN TOÁN 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

Học vấn môn học			Năng lực toán học								
Chủ đề	Nội dung	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	NL tư duy và lập luận toán học			NL giải quyết vấn đề -NL mô hình hóa toán học			NL giải quyết vấn đề -NL mô hình hóa toán học		
			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy			Cấp độ tư duy		
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
Hàm số LG và Phương trình LG	Phương trình LG	Nhận biết <i>- Phương trình cơ bản 4 dạng tường minh. Nhận biết 1 nghiệm</i> <i>- Xác định được điều kiện PT có nghiệm, vô nghiệm.</i>	TN1	TN2		1a-1b (ĐS)	1c (ĐS)	1d (ĐS)		TL1(0,5 Đ)	

		Thông hiểu - Phương trình quy về PTLG cơ bản. - Điều kiện để phương trình lượng giác cơ bản có nghiệm. - Biết tìm số nghiệm, tổng nghiệm của phương trình lượng giác cơ bản trên khoảng hoặc đoạn cho trước								
Dãy số. Cấp số cộng. Cấp số nhân	Dãy số	Nhận biết - Tính số hạng cụ thể của dãy số khi cho công thức hoặc hệ thức truy hồi, dãy số tăng, dãy số giảm. - Xác định dạng khai triển, dạng tổng quát của một dãy số.	TN3							
	Cấp số cộng	Nhận biết - Biết được định nghĩa, tính chất của CSC. - Tìm công sai, số hạng thứ n của CSC cơ bản Thông hiểu - Xác định các yếu tố $u_1; u_n; d$ trong CSC với dữ kiện cho trước. - Tính tổng, tìm n, Thêm số hạng để được một CSC....	TN4			2a – 2b (ĐS)				TL2 (0,5 Đ)
	Cấp số nhân	Nhận biết - Biết được định nghĩa, tính chất của CSN. - Tìm công bội, số hạng thứ n của CSN cơ bản - Tính một vài số hạng đầu, công bội theo quy luật được mô tả Thông hiểu	TN5			2c (ĐS)	2d (ĐS)			

		<p>- hiểu được quy luật của cấp số nhân, xác định được u_1, q trong tình huống thực tế</p> <p>- Hiểu và tính được số hạng thứ n, tổng S_n của cấp số nhân trong bài toán thực tế.</p>								
Giới hạn. Hàm số liên tục	Giới hạn dãy số	<p>Nhận biết</p> <p>- nhận biết khái niệm, tính chất về giới hạn của dãy số</p> <p>- Nhận biết các giới hạn cơ bản cụ thể và sử dụng tính các giới hạn đơn giản</p> <p>Thông hiểu</p> <p>- Sử dụng các giới hạn cơ bản và các phép toán về giới hạn tính các giới hạn dạng vô định $\frac{\infty}{\infty}$; $\infty - \infty$; $\infty \cdot 0$.</p> <p>- Tính tổng của cấp số nhân lùi vô hạn</p>	TN6	TN7						
	Giới hạn hàm số	<p>Nhận biết</p> <p>- Tính được giới hạn của hàm số tại 1 điểm, giới hạn 1 bên và giới hạn tại vô cực.</p> <p>- Tính giới hạn của hàm số tại một điểm dạng xác định.</p> <p>- Tính các giới hạn của hàm số tại vô cực dạng đơn giản.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>- Tính giới hạn hữu hạn của hàm số tại vô cực.</p>		TN8	3b (ĐS)	3c (ĐS)				TL3(0,5Đ)

	<p>- Tính giới hạn hữu hạn của hàm số tại một điểm dạng $\frac{0}{0}$ có sử dụng các kỹ năng phân tích thành nhân tử, nhân liên hợp, ...</p> <p>Vận dụng</p> <p>- giới hạn dạng vô định có chứa căn thức, tham số</p> <p>- Sử dụng giới hạn tại vô cực và ý nghĩa của nó giải quyết bài toán có nội dung thực tế</p>								
Hàm số liên tục	<p>Nhận biết</p> <p>- Nhận biết tính liên tục của các hàm số sơ cấp cơ bản tại một điểm</p> <p>- Nhận biết tính liên tục của các hàm số sơ cấp cơ bản trên các khoảng xác định.</p> <p>- Nhận biết tính liên tục dựa vào đồ thị</p> <p>Thông hiểu</p> <p>- Xác định được tính liên tục – gián đoạn của hàm số tại một điểm, liên tục trên khoảng, đoạn khi hàm số cho bởi nhiều công thức</p> <p>- Nhận dạng được tính liên tục của tổng, hiệu, tích, thương của hai hàm số liên tục.</p> <p>- Tìm tham số m để hàm số liên tục tại một điểm, liên tục trên các khoảng, đoạn xác định.</p> <p>Vận dụng</p> <p>- Tìm điều kiện tham số để hàm số liên tục tại một điểm, liên tục trên các khoảng xác định.</p>	TN9			3a (ĐS)		3d (ĐS)		

		- Vận dụng tính liên tục trong các bài toán có nội dung thực tế								
Các số đặc trưng đo xu thế trung tâm cho MSL ghép nhóm	Số trung bình và một của MSL ghép nhóm	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - xác định được số nhóm được ghép, độ dài mỗi nhóm - xác định được cỡ mẫu, tần số của mỗi nhóm, giá trị đại diện của mỗi nhóm <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được giá trị trung bình, một của mẫu số liệu và nêu được ý nghĩa. - Sử dụng số trung bình, một để đánh giá, so sánh giữa các mẫu số liệu 	TN10							
	Trung vị và tứ phân vị của MSL ghép nhóm	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được trung vị và tứ phân vị của MSL ghép nhóm <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được giá trị trung bình, một của mẫu số liệu và nêu được ý nghĩa. - Sử dụng số trung bình, một để đánh giá, so sánh giữa các mẫu số liệu 								
Quan hệ song song trong KG	Đường thẳng song song mặt phẳng	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được đường thẳng song song với mặt phẳng dựa và tính chất của các hình cơ bản, đường trung bình. <p>Thông hiểu</p>	TN11			4a-4b (ĐS)			TL4a(1,0 Đ)	TL4b(0, 5Đ)

	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Biết cách tìm giao tuyến của hai mặt phẳng có yếu tố song song</i> - <i>chứng minh quan hệ song song dựa vào tính chất đường trung bình, định lí thales...</i> - <i>vận dụng vào thực tế</i> 									
Hai mặt phẳng song song	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nắm được khái niệm, tính chất của hai mặt phẳng song song</i> - <i>Nhận biết được mặt phẳng song song với mặt phẳng trên hình hộp, hình chóp ...</i> <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Biết hai mặt phẳng song song</i> - <i>Biết cách chứng minh hai mặt phẳng song song.</i> <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Sử dụng hai mặt phẳng song song suy ra đường thẳng song song mặt phẳng</i> - <i>Các bài toán liên quan đến thiết diện của mặt phẳng và hình chóp có yếu tố song song.</i> 	TN12			4c (ĐS)	4d (ĐS)				
Tổng		8	4		6	3	4		3	2
Tỉ lệ		20%	10%		10%	10%	20%		20%	10%

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

MÔN **NGỮ VĂN 11**

Thời gian: 90 phút

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:

- Kiến thức:** Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức kỹ năng về nội dung kiến thức đã học trong chương trình Ngữ văn lớp 11 (CT Ngữ văn 2018): kiến thức tiếng Việt, Làm văn, Văn học.
- Kĩ năng:** Đọc hiểu văn bản truyện thơ Nôm bình dân và viết bài văn nghị luận phân tích giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật truyện thơ để làm bài kiểm tra trong thời gian 90 phút.
- Thái độ:** Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.
- Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kĩ năng:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tạo lập văn bản, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG:

- Kiến thức phần Đọc:** Đọc văn bản truyện thơ Nôm bình dân.
- Kiến thức phần Viết:** Tạo lập văn bản dạng bài viết bài văn nghị luận phân tích giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật truyện thơ.

III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

- Hình thức:** Tự luận; khuyến khích GV đa dạng hoá hình thức đề (chẳng hạn, có thể kẻ bảng, vẽ một sơ đồ tư duy, cho hình ảnh hay một vài thông tin minh hoạ để làm rõ ý tưởng của đề, định hướng HS trả lời câu hỏi,...).
- Cách thức tổ chức kiểm tra:** Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 90 phút.

IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN:

STT	Kĩ năng	Nội dung Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc	Văn bản truyện thơ Nôm bình dân	0	2	0	2	0	1	0	0	6,0

2	Viết	viết bài văn nghị luận phân tích giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật truyện thơ	0	1	0	1	0	2	0	1	4,0
Tổng			0	30	0	30	0	30	0	10	10,0
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

V. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi/ số điểm theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng Cao
I. ĐỌC	VĂN BẢN TRUYỆN THƠ NÔM <i>(Văn bản ngoài chương trình)</i>	<u>Nhận biết:</u> - Nhận biết được đề tài, mô hình, kiểu nhân vật trong truyện thơ Nôm bình dân. - Xác định ngôi kể, điểm nhìn, lời người kể chuyện, lời nhân vật dựa trên các dấu hiệu văn bản.	2			
		<u>Thông hiểu</u> - Phân tích, đánh giá được vai trò của những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. - Phân tích được đặc điểm ngôn ngữ truyện thơ Nôm bình dân trong văn bản. - Phân tích và nhận xét cách xây dựng hình tượng nhân vật trong văn bản.		2		
		<u>Vận dụng</u> Phân tích và đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc.			1	
Tổng	6,0		<i>Số điểm:</i> 2,0	<i>Số điểm:</i> 2,5	<i>Số điểm:</i> 1,5	<i>Số điểm:</i> 0,0
II. VIẾT	Viết bài văn nghị luận phân tích giá trị đặc	<u>Nhận biết:</u> - Xác định được yêu cầu về nội dung và hình thức của bài văn nghị luận truyện thơ.				

Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi/ số điểm theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng Cao
	sắc về nội dung và nghệ thuật truyện thơ Nôm	- Xác định rõ được mục đích, đối tượng nghị luận truyện thơ. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.				
		<u>Thông hiểu:</u> - Biết tóm tắt và nhận xét câu chuyện. - Trình bày các luận điểm để làm nổi bật những nét đặc sắc về nội dung. - Trình bày các luận điểm để làm nổi bật những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật. - Đưa ra lí lẽ và bằng chứng đa dạng, thuyết phục để làm sáng tỏ luận điểm; các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.				
		<u>Vận dụng:</u> - Khẳng định lại một cách khái quát những đặc sắc về nghệ thuật và nét độc đáo về chủ đề của truyện thơ. - Nêu tác động của tác phẩm đối với bản thân hoặc cảm nghĩ sau khi đọc, thưởng thức truyện thơ.				
		<u>Vận dụng cao:</u> - Có cách diễn đạt độc đáo, sáng tạo, có phong cách riêng. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.				
Tổng	4,0		<i>Số điểm</i> 0,5	<i>Số điểm</i> 1,0	<i>Số điểm</i> 2,0	<i>Số điểm</i> 0,5
I + II	10,0		2,5	3,5	3,5	0,5

MA TRẬN ĐẶC TẢ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TIẾNG ANH KHỐI 11 NĂM HỌC 2025-2026

Thời gian làm bài: 60 phút

Hình thức: Trắc nghiệm khách quan có 4 lựa chọn + Nghe + Tự luận

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO			
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	- Đọc – Hoàn thành quảng cáo, tờ rơi ...	6		6						12	
2	- Đọc – Hoàn thành văn bản					5				5	
3	- Viết – sắp xếp câu thành văn bản hoàn chỉnh	3								3	
4	- Nói – sắp xếp lượt nói thành cuộc đàm thoại có nghĩa	2								2	
5	- Đọc hiểu – Trả lời câu hỏi	2		11						13	
6	-Nghe		3				2				5
7	-Tự luận-từ loại		2		1						3
	-Tự luận- chia thì		2		1						3
	-Tự luận- viết lại câu						2				2
	-Tự luận- Nói câu				1		1				2
TỔNG		13	7	17	3	5	5	0	0	35	15
TỈ LỆ		40 %		40 %		20 %		0 %		70%	30%

TT/ph ân công GV	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Biết	Hiểu	Vận dụng
PHẦN TỰ LUẬN						
1.	Nghe	Nghe thông tin chi tiết	Biết - Nghe được các thông tin về hoạt động, người tham gia, thời gian, số lượng, nơi chốn, ... Hiểu - Dự đoán thông tin cần điền; nghe hiểu và chọn đúng thông tin.	3 TN		2 TN

2	Viết (Tự luận)	Từ loại	Biết Xác định từ loại dựa vào trật từ trong câu. 1. effect / effective / effectively / effectiveness 2. preserve/ preservation/ preservationist/ preservative 3. protect/ protection/ protective 4. donate/ donation/ donor 5. participate/ participation/ participative/ participant Hiểu 6. danger/ dangerous/ endangered 7. electricity/ electrical/ electric 8. predict/ predictable/ unpredictable/prediction 9. organize/ organized/ disorganized	2 TL	1 TL	
3		Nối câu	Hiểu 1. Both...and... 2. Neither...nor... 3. Not only.....but also... 4. Either..or... Vận dụng 5. Because of/ in spite of		1 TL	1 TL
4		Chia động từ	Biết 1. QKĐ (có dấu hiệu thời gian) 2. Hiện tại hoàn thành (có dấu hiệu thời gian) 3. Kết hợp QKĐ và HTHT (since) Hiểu 4. Câu hỏi how long/ when (HTHT/QKĐ)	2 TL	1 TL	
5		Viết lại câu	Hiểu 1. Past simple ↔ Present perfect (<i>cấu trúc: the last time.....was</i>) Vận dụng 1. Inversion of not only...but also 2. viết lại câu điều kiện loại 2			2 TL
PHẦN TRẮC NGHIỆM						
1.	ĐỌC ĐIỀN TỪ	QUẢNG CÁO	Hiểu - Từ loại		1	

		<p>(dựa vào trật tự từ, xác định từ loại và chọn từ phù hợp nghĩa)</p> <p><i>Polluted-unpolluted</i> <i>Explorer-exploration</i> <i>Preservation-preservationist</i> <i>Harmful-harmless</i> </p>			
		<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sắp xếp trật tự từ trong cụm danh từ (<i>ex: a famous local restaurant</i>) 	1		
		<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới từ theo sau tính từ, động từ quen thuộc (<i>worried about, protect from, home to, contribute to...</i>) 	1		
		<p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng (<i>System-temperature- destruction- pollution</i> <i>Wildfire- flood- drought- landslide</i> <i>Emit- provide- contain- decrease</i> <i>Heritage- monuments- ruin -culture</i>) 		1	
		<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại từ quan hệ 	1		
		<p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng 		1	
2		<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mạo từ 	1		
		<p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm động từ (<i>Put off, put on, put aside, put sb up</i> <i>Come up with/ come out/ come across/ come along</i>) 		1	
		<p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng 		1	
		<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cụm từ cố định (<i>admire the landscape, have sth in common, hold a meeting, be fond of,....</i>) 	1		
		<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động từ bị động 	1		
		<p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chọn liên từ/ trạng từ (<i>since/ already/ for/ yet.....</i>) 		1	
	TỜ THÔNG TIN (leaflet, flyer)				

3.	SẮP XẾP TRẬT TỰ CÂU	HỘI THOẠI	Biết sắp xếp đoạn hội thoại 3 câu (<i>making suggestions</i>)	1		
4		HỘI THOẠI	sắp xếp đoạn hội thoại 5 câu (<i>giving instructions</i>)	1		
5		LÁ THU/ MAILS	sắp xếp 5 câu trong lá thư- <i>có từ nói</i>	1		
6		ĐOẠN VĂN	Sắp xếp 5 câu đoạn văn <i>có từ nói</i>	1		
7		ĐOẠN VĂN	Sắp xếp 5 câu đoạn văn (<i>hạn chế từ nói, dựa vào dịch hiểu nghĩa</i>)	1		
8	ĐỌC ĐIỀN TỪ	ĐỌC ĐIỀN TỪ (phrases+ clauses) (150-200 words)	Vận dụng 1. Câu đơn phù hợp nghĩa 2. Hoàn thành đoạn văn bằng mệnh đề quan hệ 3. Rút gọn mệnh đề trạng ngữ dạng bị động (<i>chọn mệnh đề chính phù hợp</i>) 4. Câu có liên từ phù hợp 5. Cấu trúc song song			1 1 1 1 1
9	ĐỌC HIỂU	ĐỌC HIỂU ĐOẠN VĂN 1 (8 Qs) (around 250 words)	Biết 1. Dựa vào từ khóa trong bài đọc chọn thông tin đúng Hiểu 2. Từ đối nghĩa 3. Từ đồng nghĩa (từ được gạch chân) 4. Từ nhân xưng 5. Đoạn văn nào chứa thông tin A 6. Đoạn văn nào chứa thông tin B 7. Paraphrase underlined sentence 8. True/ false/ not given	1		1 1 1 1 1 1

10		ĐỌC HIỂU ĐOẠN VĂN 2 (5 Qs) (around 250 words)	Biết 1. Dựa vào từ khóa trong đoạn được cho để chọn thông tin đúng Hiểu 2. Từ nhân xưng 3. Đồng nghĩa (cụm từ được gạch chân) 4. Tóm tắt 1 đoạn văn 5. Paraphrase underlined sentence	1		
Tổng câu trắc nghiệm: 35 câu				13	17	5
Điểm trắc nghiệm: 7 điểm (0.2 điểm / câu)				2.6	3.4	1
Tổng câu tự luận: 15 câu (Nghe: 5 câu + Viết: 10 câu)				7	3	5
Điểm tự luận: 3 điểm (Nghe: 0.2 điểm / câu + Viết: 0.2 điểm / câu)				1,4	0,6	1
TỶ LỆ %				40	40	20

***Các câu hỏi từ vựng, ngữ pháp trong ngữ cảnh bài đọc có thể linh hoạt theo nội dung đoạn văn, nhưng đảm bảo mức độ và nội dung có trong unit 3,4.**

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: Vật lý 11 – Kỳ kiểm tra cuối học kì I

Năm học: 2025-2026

1. MA TRẬN

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá									Tổng số câu		Điểm số		
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (4 câu TN ĐS)			PHẦN III (3 câu tự luận)			TL	TN	Tổng		
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
1	DAO ĐỘNG	Dao động điều hòa. Vận tốc, gia tốc trong dao động điều hòa	C1		C2								0	2	0,5	
		Dao động tắt dần. Dao động cưỡng bức. Hiện tượng cộng hưởng.	C3	C4							1a	1b	1	2	1,5	
		Động năng, thế năng. Sự chuyển hóa năng lượng trong dao động điều hòa	C5		C6									0	2	0,5
	SÓNG	Mô tả sóng. Sóng ngang. Sóng dọc. Sự truyền năng lượng của sóng.	C7 C8	C9			1a-1b	1c	1d*					0	7	1,75
		Sóng điện từ	C10				2a-2b	2c	2d			2a	2b	1	5	1,5
		Giao thoa sóng	C11 C12	C13			3a-3b	3c	3d*					0	7	1,75
		Sóng dừng	C14 C15	C16								3a	3b	1	3	1,75
	2	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCD)		8TN	4TN	4TN	4TN	4TN	4TN			1,5TL	1,5TL	3	28	
3	Tổng số điểm		4,0 điểm			3,0 điểm			3,0 điểm					10 điểm		

+ (*) là vận dụng cao.

+ Phần 1: 16 câu (16LT) – 4,0 điểm

+ **Phần 2:** 3 câu TN – 12 ý (09 ý lý thuyết + 03 ý bài tập)

+ **Phần 3:** 3 câu Tự Luận – 3,0 điểm

Câu 1(1 điểm). Bài toán về cộng hưởng cơ

Dạng 1: Cho đồ thị sự phụ thuộc biên độ A vào tần số góc ω của CLLX

a) Xác định tần số cộng hưởng (0,5 điểm)

b) Tính độ cứng của lò xo (0,5 điểm)

Dạng 2: Cho CLLX có độ cứng k chịu tác dụng của ngoại lực cưỡng $F = F_0 \cos(\omega t)$ (N)

a) Xác định tần số cộng hưởng (0,5 điểm)

b) Tính khối lượng m của vật nặng (0,5 điểm)

Câu 2(1 điểm). Bài toán về sóng điện từ

Dạng 1: Cho tần số sóng của sóng điện từ

a) Tính chu kì (0,5 điểm)

b) Tính bước sóng (0,5 điểm)

Dạng 2: Cho chu kì của sóng điện từ

a) Tính tần số (0,5 điểm)

b) Tính bước sóng (0,5 điểm)

Câu 3 (1 điểm): Bài toán về sóng dừng

Dạng 1: Cho chiều dài l , tần số f và số nút sóng hoặc bụng sóng.

a) Tính bước sóng trên dây (0,5 điểm)

b) Tính tốc độ truyền sóng trên dây (0,5 điểm)

Dạng 2: Cho hình ảnh của sóng dừng với hai đầu là nút. Biết chiều dài sợi dây và tốc độ truyền sóng trên dây.

a) Tính bước sóng (0,5 điểm)

b) Tính tần số sóng (0,5 điểm)

2. KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: VẬT LÝ; LỚP: 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	DAO ĐỘNG	Dao động điều hòa. Vận tốc, gia tốc trong dao động điều hòa	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được dạng của phương trình dao động điều hòa. - Từ đồ thị $(x - t)$ chỉ ra được biên độ, chu kì. - Dùng đồ thị $(x - t)$ có dạng hình sin, nêu được định nghĩa: biên độ, chu kì, tần số, tần số góc, độ lệch pha. - Biết được dạng của phương trình vận tốc, gia tốc. - Biết được vị trí mà tốc độ đạt cực đại, gia tốc đạt cực đại. - Biết được biểu thức tính tốc độ cực đại, gia tốc cực đại. - Biết được độ lệch pha giữa x, v, a - Nắm được dạng của phương trình li độ, vận tốc, gia tốc. - Nắm được các biểu thức tính chu kì, tần số, tần số góc, pha ban đầu. - Nắm được biểu thức tính tốc độ cực đại, gia tốc cực đại. 	TN-C1		
			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được phương trình dao động điều hòa, xác định được biên độ, pha và pha ban đầu của dao động. - Tính được pha ban đầu của dao động. - Tính được li độ, vận tốc và gia tốc ở thời điểm t. - Tính được li độ, vận tốc và gia tốc khi biết pha dao động. - Tính được chu kì, tần số và tần số góc của dao động. - Viết được phương trình vận tốc, gia tốc. - Tính được tốc độ cực đại, gia tốc cực đại. - Tính được độ lệch pha giữa hai dao động. 			

		<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lập được phương trình dao động điều hòa. - Vận dụng được các khái niệm: biên độ, chu kì, tần số, tần số góc, độ lệch pha để mô tả dao động điều hòa. - Sử dụng đồ thị, phân tích và thực hiện phép tính cần thiết để xác định được: độ dịch chuyển, vận tốc và gia tốc. - Sử dụng được phương trình $A^2 = x^2 + \frac{v^2}{\omega^2}$, $a = -\omega^2 x$ - Vận dụng được các phương trình li độ, vận tốc và gia tốc. 			TN-C2
	<p>Dao động tắt dần. Dao động cưỡng bức. Hiện tượng cộng hưởng</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ví dụ thực tế về dao động tắt dần, dao động cưỡng bức và hiện tượng cộng hưởng. 	TN-C3		
<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận, đánh giá được sự có lợi và có hại của cộng hưởng trong một số trường hợp cụ thể. - Xác định được tần số cộng hưởng. 			TN-C4 TL-1a 0,5 điểm		
<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được điều kiện cộng hưởng $f_{\text{lực cưỡng bức}} = f_{\text{riêng của vật dao động}}$				TL-1b 0,5 điểm	
	<p>Động năng, thế năng. Sự chuyển hóa năng lượng trong dao động điều hòa</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết được biểu thức động năng, thế năng và cơ năng trong dao động điều hòa. - Viết được biểu thức tính chu kì, tần số, tần số góc của con lắc lò xo. - Biết được 2 vị trí để $W_d = W_t$. - Biết được trong 1T có 4 thời điểm mà $W_d = W_t$. - Biết được khoảng thời gian giữa 2 lần liên tiếp mà động năng bằng thế năng là T/4. 	TN-C5		

			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng đồ thị, phân tích và thực hiện phép tính cần thiết để mô tả sự chuyển hóa động năng và thế năng trong dao động điều hòa. - Tính được động năng, thế năng và cơ năng trong dao động điều hòa. - Tính được chu kì, tần số, tần số góc của con lắc lò xo. 			
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được định luật bảo toàn cơ năng để tìm li độ, vận tốc trong dao động điều hòa. - Sử dụng đồ thị, phân tích và thực hiện phép tính cần thiết để mô tả sự chuyển hóa động năng và thế năng trong dao động điều hòa. - Vận dụng được các phương trình li độ, vận tốc và gia tốc trong dao động điều hòa. 			TN-C6
2	SÓNG	Mô tả sóng. Sóng ngang. Sóng dọc. Sự truyền năng lượng của sóng.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ đồ thị độ dịch chuyển - khoảng cách (tạo ra bằng thí nghiệm, hoặc hình vẽ cho trước), mô tả được sóng qua các khái niệm bước sóng, biên độ, tần số, tốc độ và cường độ sóng. - Nêu được ví dụ chứng tỏ sóng truyền năng lượng. 	TN-C7,8 ĐS-1a-1b		
			<p>Thông hiểu:</p> <p>Thực hiện thí nghiệm (hoặc sử dụng tài liệu đa phương tiện), thảo luận để nêu được mối liên hệ các đại lượng đặc trưng của sóng với các đại lượng đặc trưng cho dao động của phần tử môi trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát hình ảnh (hoặc tài liệu đa phương tiện) về chuyển động của phần tử môi trường, thảo luận để so sánh được sóng dọc và sóng ngang. 		TN-C9 ĐS-1c	

		<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ định nghĩa của vận tốc, tần số và bước sóng, rút ra được biểu thức $v = \lambda \cdot f$ và vận dụng được biểu thức. - Thảo luận để thiết kế phương án hoặc lựa chọn phương án và thực hiện phương án, đo được tần số của sóng âm bằng dao động kí hoặc dụng cụ thực hành. 			ĐS-1d*
	Sóng điện từ	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được trong chân không, tất cả các sóng điện từ đều truyền với cùng tốc độ. - Liệt kê được bước sóng của các bức xạ chủ yếu trong thang sóng điện từ. 	TN-C10 ĐS-2a-2b		
		<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được ứng dụng của một số loại sóng điện từ (hồng ngoại, tử ngoại, tia X, sóng ngắn, sóng dài,...). - Trình bày được các đặc điểm của sóng điện từ. - Tính được tần số, chu kì của sóng điện từ. 		TL-2a 0,5 điểm ĐS-2c	
		<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được bước sóng của sóng điện từ. 			TL-2a 0,5 điểm ĐS-2d
	Giao thoa sóng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Nêu được các điều kiện cần thiết để quan sát được hệ vân giao thoa. 	TN-C11,12 ĐS-3a-3b		
		<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện (hoặc mô tả) được thí nghiệm chứng minh sự giao thoa hai sóng kết hợp bằng dụng cụ thực hành sử dụng sóng nước (hoặc sóng ánh sáng). - Phân tích, đánh giá kết quả thu được từ thí nghiệm. 		TN-C13 ĐS-3c	

		<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các điều kiện của cực đại, cực tiểu giao thoa. - Vận dụng được biểu thức tính bước sóng ánh sáng, khoảng vân, vị trí vân sáng, vân tối. 			ĐS-3d*
	Sóng dừng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được điều kiện để sóng dừng với hai đầu nút, một đầu nút và một đầu bụng. - Xác định được số nút sóng, sóng bụng sóng từ hình ảnh của sóng dừng. 	TN-C14,15		
		<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thí nghiệm tạo sóng dừng và giải thích được sự hình thành sóng dừng. - Sử dụng hình ảnh (tạo ra bằng thí nghiệm, hoặc hình vẽ cho trước), xác định được nút và bụng của sóng dừng. - Sử dụng được biểu thức: $l = k \frac{\lambda}{2}$ 		TN-C16 TL-3a 0,5 điểm	
		<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các cách biểu diễn đại số và đồ thị để phân tích, xác định được vị trí nút và bụng của sóng dừng. - Tính được bước sóng, tốc độ truyền sóng, tần số sóng. 			TL-3b 0,5 điểm
Tổng số câu			16TN	6TN 1,5TL	6TN 1,5TL
Tổng số điểm			4,0	3,0	3,0

	HH1. NHẬN THỨC HÓA HỌC	HH2. TÌM HIỂU TGTN	HH3. VẬN DỤNG KT-KN	
TPNL	18	1	3	
	81,82%	4,54%	13,64%	
	BIẾT	HIỂU	VẬN DỤNG	
Cấp độ	4,0 điểm	3,0 điểm	3,0 điểm	
	40%	30%	30%	

**MA TRẬN NỘI DUNG (CHỦ ĐỀ) – THÀNH PHẦN NĂNG LỰC – CẤP ĐỘ TƯ DUY
CỦA ĐỀ CUỐI HỌC KÌ I LỚP 11 – MÔN HÓA HỌC - NĂM HỌC 2025-2026**

Tỉ lệ dạng thức 4:3:3

- **Phần dạng thức I (trắc nghiệm nhiều lựa chọn):** 16 câu (4 điểm) gồm 8 câu Biết (B), 4 câu Hiểu (H), 4 câu vận dụng (VD)
- **Phần dạng thức II (trắc nghiệm Đ/S):** 3 câu (3 điểm) gồm 4 ý B ; 4 ý H và 4 ý VD
- **Phần dạng thức III (Câu hỏi tự luận):** 3 câu (3 điểm) gồm 1 câu B, 1 câu H, 1 câu VD
- **Trong mỗi ô có 3 thông tin:**
 - (1) I, II, III ... là phần dạng thức trong đề thi (Ví dụ: I.1 là dạng thức I, câu số 1)
 - (2) HH...là (Mã hoá chỉ báo được đánh giá).
 - (3) Dấu * trước dạng thức là các câu hỏi có thể chọn 1 trong 2 ý hoặc câu.

CHỦ ĐỀ	Số lệnh hỏi	Yêu cầu cần đạt	THÀNH PHẦN NĂNG LỰC HOÁ HỌC								
			Nhận thức hoá học			Tìm hiểu TGTN dưới góc độ hoá học			Vận dụng KT, KN đã học		
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
Khái niệm về cân bằng hoá học	2	– Trình bày được khái niệm phản ứng thuận nghịch và trạng thái cân bằng của một phản ứng thuận nghịch – Vận dụng được nguyên lí chuyển dịch cân bằng Le Chatelier để giải thích ảnh hưởng của nhiệt độ, nồng độ, áp suất đến cân bằng hóa học.		I.9 HH1.2	*III.3 HH1.6						
Cân bằng trong dung dịch nước	4	– Trình bày được thuyết Brønsted – Lowry về acid – base. – Viết được biểu thức tính pH ($\text{pH} = -\lg[\text{H}^+]$ hoặc $[\text{H}^+] = 10^{-\text{pH}}$) và biết cách sử dụng các chất chỉ thị để xác định pH (môi trường acid, base, trung tính) bằng các chất chỉ thị phổ biến như giấy chỉ thị màu, quỳ tím, phenolphthalein,... – Thực hiện được thí nghiệm chuẩn độ acid – base: Chuẩn độ dung dịch	I.1 HH1.2	I.10 HH1.2							

		<ul style="list-style-type: none"> – Phân tích được nguồn gốc các oxide của nitrogen trong không khí và nguyên nhân gây hiện tượng mưa acid. – Giải thích được nguyên nhân, hệ quả của hiện tượng phú dưỡng 		*II.2 HH1.2							
Sulfur và sulfur dioxide	1 (2)	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được các trạng thái tự nhiên của nguyên tố sulfur. – Trình bày được cấu tạo, tính chất vật lí, hoá học cơ bản và ứng dụng của lưu huỳnh đơn chất. 	*II.1 HH1.2 I.3 HH1.2 *III.1 HH1.2	*III.2 HH1.2							
Sulfuric acid và muối sulfate	1 (2)	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cấu tạo của H₂SO₄; tính chất vật lí, tính chất hóa học cơ bản, ứng dụng của sulfuric acid loãng, sulfuric acid đặc và những lưu ý khi sử dụng sulfuric acid – Vận dụng được kiến thức về năng lượng phản ứng, chuyển dịch cân bằng, vấn đề bảo vệ môi trường để giải thích các giai đoạn trong quá trình sản xuất sulfuric acid theo phương pháp tiếp xúc. – Nêu được ứng dụng của một số muối sulfate quan trọng: barium sulfate (bari sunfat), ammonium sulfate (amoni sunfat), calcium sulfate (canxi sunfat), magnesium sulfate (magie sunfat) và nhận biết được ion SO₄²⁻ trong dung dịch bằng ion Ba²⁺. 	I.4 HH1.1 *III.1 HH1.1 *III.1 HH1.1	*III.2 HH1.2							
Hợp chất hữu cơ và hoá học hữu cơ	3 (4)	<ul style="list-style-type: none"> – Nêu được khái niệm hợp chất hữu cơ và hoá học hữu cơ; đặc điểm chung của các hợp chất hữu cơ. – Phân loại được hợp chất hữu cơ (hydrocarbon và dẫn xuất).(*) – Nêu được khái niệm nhóm chức và một số loại nhóm chức cơ bản. 	I.5 HH1.1	I.12 HH1.4							

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA
KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - MÔN SINH HỌC - LỚP 11

1. Thời gian làm bài: 45 phút

2. Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm và tự luận.

3. Cấu trúc:

- Mức độ đề: 50% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng.

- Tổng điểm: 10 điểm, gồm 22 câu. Trong đó:

+ **Phần I:** (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 16 câu TNNLC = 4,0 điểm

+ **Phần II:** (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 3 câu = 3,0 điểm.

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Học sinh chỉ lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác cả 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

+ **Phần III:** (Dạng tự luận = TL) gồm 3 câu = 3,0 điểm.

4. Bảng ma trận sau:

TT	Chủ đề	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức – Dạng câu hỏi								
			Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (TNNLC)			Trắc nghiệm Đúng/Sai (TNĐS)			Tự luận (TL)		
			Biết (NT1)	Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1)	VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2)	Biết (NT1)	Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1)	VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2)	Biết (NT1)	Hiểu (NT2→5 /TH1→2 /VD1)	VD (NT6→8 /TH3→5 /VD2)
	Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở thực vật:	- Con đường đồng hóa của quang hợp (3 nhóm thực vật C3, C4, CAM). - Hệ sắc tố quang hợp, quang phổ quang hợp.	3NT1			1NT1	1NT2→5	1NT6→8 1TH3→5			

gồm Quang hợp ở thực vật (Bài 4) Và Hô hấp ở thực vật (Bài 5)	- Các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp.									
	- Vai trò của hô hấp ở thực vật. - Ảnh hưởng của các điều kiện môi trường đến hô hấp thực vật.	3NT1								
Trao đổi chất và CHNL ở động vật (gồm: tiêu hóa (bài 6), hô hấp (bài 7), tuần hoàn (bài 8))	- Các hình thức tiêu hóa ở động vật. - Quá trình tiêu hóa ở động vật.	1NT1	1NT2→5							
	- Các hình thức trao đổi khí ở động vật. - Đặc điểm hô hấp ở động vật.	1NT1	1TH2		1NT1	1NT2→5 1TH1→2	1TH3→5			
	- Phân biệt hệ tuần hoàn hở, kín. - Phân biệt hệ tuần hoàn đơn, kép. - Các bệnh tuần hoàn, đặc điểm tuần hoàn ở động vật.	2NT1	1NT2→5							1VD2
Miễn dịch, bài tiết và cân bằng nội môi (bài 9,10)	- Cơ chế bảo vệ cơ thể (hàng rào bên ngoài, hàng rào bên trong)	2NT1			2NT1	1NT2→5	1NT6→8	1NT1		
	- Cơ chế cân bằng nội môi (pH máu, áp suất thẩm thấu máu, gan,...)		1TH2						1VD1	
Tổng số câu		12	4	0	1	1	1	1	1	1
Tổng số điểm		(I): 3,0 đ	(II): 1,0 đ	(III): 0,0 đ	(IV): 1,0 đ	(V): 1,0 đ	(VI): 1,0 đ	(VII): 0,0 đ	(VIII): 1,0 đ	(IX): 2,0 đ
Tổng số câu/điểm từng định dạng		16 câu / 4.0 điểm			3 câu/ 3.0 điểm			3 câu/ 3.0 điểm		
Tổng từng mức độ nhận thức:		Nhận biết: I(12)+IV(1)+VII(1) = 5,0 đ			Thông hiểu: II(4)+V(1)+VIII(1) = 3,0 đ			Vận dụng: III(0)+VI(1)+IX(1) = 2,0 đ		

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: SINH HỌC 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

Chủ đề	Đơn vị KT	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Dạng thức		
			NLC	Đ/S	Tự luận
Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở thực vật	Quang hợp ở thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các con đường đồng hóa của quang hợp (3 nhóm thực vật C3, C4, CAM). - Phân biệt được thực vật C3, C4 và CAM. - Trình bày được đặc điểm hệ sắc tố quang hợp, quang phổ quang hợp. 	3NT1	1NT1 1NT2→5 1NT6→8 1TH3→5	
	Hô hấp ở thực vật	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được vai trò của hô hấp ở thực vật. - Trình bày được các ảnh hưởng của các điều kiện môi trường đến hô hấp thực vật. 	3NT1		
Trao đổi chất và CHNL ở động vật	Dinh dưỡng và tiêu hóa ở động vật	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các hình thức tiêu hóa ở động vật. - Trình bày được các quá trình tiêu hóa ở động vật. - Nhận biết được tên một số enzyme tham gia quá trình tiêu hóa ở động vật. 	1NT1 1NT2→5		
	Hô hấp ở ĐV	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các hình thức trao đổi khí ở động vật. - Trình bày được các đặc điểm hô hấp ở động vật và ứng dụng. 	1NT1 1TH2	1NT1 1NT2→5 1TH1→2 1TH3→5	
	Tuần hoàn ở ĐV	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được hệ tuần hoàn hở, kín. - Phân biệt được hệ tuần hoàn đơn, kép. - Nhận biết và trình bày được đặc điểm các bệnh tuần hoàn. - Trình bày được đặc điểm tuần hoàn ở động vật. - Giải thích được một số vấn đề liên quan đến tuần hoàn máu ở động vật và người. 	2NT1 1NT2→5		1VD2
Miễn dịch, bài tiết và cân bằng nội môi (bài 9,10)	Miễn dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cơ chế bảo vệ cơ thể (hàng rào bên ngoài, hàng rào bên trong) 	2NT1	2NT1 1NT2→5 1NT6→8	1NT1
	Bài tiết và cân bằng nội môi	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được các cơ chế cân bằng nội môi trong cơ thể người (pH máu, áp suất thẩm thấu máu, gan,...) 	1TH2		1VD1
Tổng câu			16	3	3

BẢNG NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: Công nghệ - Lớp 11 – Kì kiểm tra cuối học kì I_

Năm học: 2025-2026

S T T	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng số câu		Điểm số		
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (12 câu TN ĐS)			PHẦN III (Tự luận 3 câu)			TL	TN	Tổng		
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
1	Chương I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CƠ KHÍ CHẾ TẠO	Bài 1: Khái quát về cơ khí chế tạo	1										0	1	0,25	
		Bài 2: Ngành nghề trong lĩnh vực cơ khí chế tạo	1			2	1	1						0	5	1,25
2	Chương II: VẬT LIỆU CƠ KHÍ	Bài 3: Tổng quan về vật liệu cơ khí		1	1								0	2	0,5	
		Bài 4: Vật liệu kim loại và hợp kim			1									0	1	0,25
		Bài 5: Vật liệu phi kim loại	1	1										0	3	0,5
		Bài 6. Vật liệu mới	1	1		1	2	1		1			1	6	2,5	
3	Chương III: CÁC PHƯƠNG PHÁP GIA CÔNG CƠ KHÍ	Bài 7: Khái quát về gia công cơ khí.	1										0	1	0,25	
		Bài 8: Một số phương pháp gia công cơ khí.		1	1				1				1	2	1,5	
		Bài 9: Quy trình công nghệ gia công chi tiết.		1							1		1	1	1,25	

S T T	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng số câu		Điểm số
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (12 câu TN ĐS)			PHẦN III (Tự luận 3 câu)			TL	TN	Tổng
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
		Bài 10: Dự án: Chế tạo sản phẩm bằng phương pháp gia công cắt gọt.			1	1	1	2				0	5	1,25
4	Chương IV: SẢN XUẤT CƠ KHÍ	Bài 11: Quá trình sản xuất cơ khí.	1	1								0	2	0,5
4	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		6TN	6TN	4TN	4TN	4TN	4TN	1TL	1TL	1TL	3	28	
5	Điểm số		1,5	1,5	1,0	1	1	1	1,0	1,0	1,0	3,0	7,0	10,0
6	Tổng số điểm		4,0 điểm			3,0 điểm			3,0 điểm			10 điểm		10 điểm

Ghi chú: + Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần III là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại Phần II là một lệnh hỏi.

+ (*) ở phần ĐÚNG/SAI là câu có 1 ý d) trong 4 ý là vận dụng cao.

+ **Phần 1:** 16 câu TN lý thuyết – 4,0 điểm

+ **Phần 2:** 3 câu TN – 12– 3,0 điểm

+ **Phần 3:** 3 câu Tự Luận – 3,0 điểm

KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: CÔNG NGHỆ; LỚP: 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Chương I GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CƠ KHÍ CHẾ TẠO	Bài 1: Khái quát về cơ khí chế tạo	Nhận biết: Trình bày được khái niệm, vai trò và đặc điểm của cơ khí chế tạo.	1TN		
			Thông hiểu: Kể tên được các bước cơ bản trong quy trình chế tạo cơ khí.			
		Bài 2: Ngành nghề trong lĩnh vực cơ khí chế tạo	Nhận biết: Nhận biết được một số ngành nghề phổ biến thuộc lĩnh vực cơ khí chế tạo.	3TN	1TN	1TN
			Thông hiểu: Trình bày nhận định cơ bản về các lĩnh vực cơ khí với một số ngành thông dụng Vận dụng: Dựa vào kiến thức đã biết, nêu chi tiết về lĩnh vực ngành cơ khí chế tạo			
2	Chương II VẬT LIỆU CƠ KHÍ	Bài 3: Tổng quan về vật liệu cơ khí	Nhận biết: Trình bày được khái niệm cơ bản và phân loại của vật liệu cơ khí.		1TN	1TN
			Thông hiểu: Nhận biết được tính chất và phân loại được các vật liệu cơ khí			
			Vận dụng: Phân tích ưu nhược điểm của vật liệu với ứng dụng tương ứng trong thực tế			
		Bài 4: Vật liệu kim loại và hợp kim	Nhận biết: Trình bày được khái niệm cơ bản và phân loại của vật liệu cơ khí.			1TN
			Thông hiểu: Nhận biết được tính chất cơ bản của một số vật liệu phổ biến bằng phương pháp đơn giản			
			Vận dụng: Từ các tính chất của vật liệu, giải thích tầm quan trọng của các loại vật liệu phổ biến.			
		Bài 5: Vật liệu phi kim loại	Nhận biết: Trình bày được khái niệm cơ bản và phân loại của vật liệu cơ khí.	1TN	1TN	
			Thông hiểu: Nhận biết được tính chất cơ bản của một số vật liệu phổ biến bằng phương pháp đơn giản			
		Bài 6: Vật liệu mới	Nhận biết: Kể tên được công dụng, tính chất của một số vật liệu cơ khí thông dụng, vật liệu mới.	2TN	3TN 1TL	1TN
			Thông hiểu: Nhận biết được tính chất cơ bản của một số vật liệu phổ biến bằng phương pháp đơn giản .			
Vận dụng: Tìm hiểu các vật dụng trong gia đình xem vật liệu nào được chế tạo từ vật liệu mới.						

3	Chương III: CÁC PHƯƠNG PHÁP GIA CÔNG CƠ KHÍ	Bài 7: Khái quát về gia công cơ khí.	Nhận biết: Trình bày được khái niệm cơ bản các phương pháp gia công cơ khí.	1TN		
			Thông hiểu: Phân loại được các phương pháp gia công cơ khí.			
		Bài 8: Một số phương pháp gia công cơ khí.	Nhận biết: Kể tên được công dụng, tính chất của một số vật liệu cơ khí thông dụng, vật liệu mới.	1TL	1TN	1TN
			Thông hiểu: - Nhận biết được tính chất cơ bản của một số vật liệu phổ biến bằng phương pháp đơn giản .			
			Vận dụng: Thiết kế một giá sách treo tường bằng kim loại cho phòng học của em. Sau đó lựa chọn các máy và phương pháp gia công giá để sách đó.			
		Bài 9: Quy trình công nghệ gia công chi tiết.	Nhận biết: Trình bày được khái niệm lập quy trình công nghệ gia công chi tiết.		1TN	1TL
			Thông hiểu: Lập được quy trình công nghệ gia công chi tiết đơn giản.			
		Bài 10: Dự án: Chế tạo sản phẩm bằng phương pháp gia công cắt gọt.	Nhận biết: Nắm được quy trình công nghệ gia công chi tiết.	1TN	1TN	3TN
			Thông hiểu: Thiết kế được một dự án sử dụng quy trình gia công chi tiết.			
			Vận dụng: Gia công được một chi tiết đơn giản bằng phương pháp gia công cắt gọt.			
4	Chương IV: SẢN XUẤT CƠ KHÍ	Bài 11: Quá trình sản xuất cơ khí.	Nhận biết: Trình bày được khái niệm quá trình sản xuất cơ khí là gì.	1TN	1TN	
			Thông hiểu: Nắm được các giai đoạn của quá trình sản xuất cơ khí.			
Tổng số câu			10TN 1TL	10TN 1TL	8TN 1TL	

(*) là vận dụng cao ý d) trong câu trắc nghiệm ĐÚNG/SAI

MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – MÔN TIN HỌC – LỚP 11 – NĂM HỌC 2025-2026

KHUNG MA TRẬN

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ-NLC			TNKQ-ĐS			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Chủ đề 4: Giới thiệu các hệ cơ sở dữ liệu	4.1. Lược trữ dữ liệu và khai thác thông tin phụ vụ5 quản lý	3 (1,2,3)	3 (4,5,6)	2 (7,8)							3	3	2	20% 2,0
		4.2. Cơ sở dữ liệu	3 (9,10,11)	2 (12,13)	2 (14,15)	2 (1a,1b)	1 (1c)	1 (1d)				5	3	3	27,5% 2,75
		4.3. Cơ sở dữ liệu quan hệ	2 (16,17)	2 (18,19)	2 (20,21)	2 (2a,2b)	1 (2c)	1 (2d)				4	3	3	25.0% 2,5
		4.4. SQL- Ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc	2 (22,23)	2 (24,25)	3 (26,27,28)	2 (3a,3b)	1 (3c)	1 (3d)				4	3	4	27,5% 2,75
Tổng số câu và ý			10 câu	9 câu	9 câu	6 ý	3 ý	3 ý				16	12	12	
Tổng số điểm			2,5	2,25	2,25	1,5	0,75	0,75				4	3	3	
Tỉ lệ %			70%			30%						40%	30%	30%	

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
1	Chủ đề 4: Giới thiệu các hệ cơ sở dữ liệu	4.1. Luận trữ dữ liệu và khai thác thông tin phụ vụ5 quản lý	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được khái niệm dữ liệu, thông tin và lưu trữ dữ liệu trong hoạt động quản lý. Trình bày được vai trò của lưu trữ dữ liệu trong các hệ thống quản lý (trường học, thư viện, bán hàng...) <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải thích được vì sao cần lưu trữ dữ liệu lâu dài trong công tác quản lý. Mô tả được cách tổ chức dữ liệu khoa học giúp việc tìm kiếm – khai thác thông tin hiệu quả. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> Vận dụng kỹ năng tìm kiếm, lọc thông tin để giải quyết một tình huống thực tế. Tạo được bảng biểu, danh sách, phục vụ tổng hợp dữ liệu trong công tác quản lý. 	<p>3 MC (B) (NLa)</p> <p>3 MC (H) (NLa)</p> <p>2 MC (V) (NLa, NLc)</p>			
		4.2. Cơ sở dữ liệu	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được khái niệm cơ sở dữ liệu và vai trò của cơ sở dữ liệu. Kể tên các thành phần cơ bản: bảng, trường, bản ghi. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải thích vai trò của dữ liệu trong quản lý. Phân biệt được bảng – trường – bản ghi. Nêu được đặc điểm của dữ liệu lưu trữ tập trung. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> Phân tích 1 tình huống quản lý để xác định thông tin cần lưu. Đề xuất bảng và trường dữ liệu phù hợp. 	<p>3 MC (B) (NLa)</p> <p>2 MC (H) (NLa)</p> <p>2 MC (V) (NLa, NLc)</p>	<p>1 YN (B,B,H,V) (NLa, NLc)</p>		

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
		4.3. Cơ sở dữ liệu quan hệ	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> Nêu được khái niệm cơ sở dữ liệu quan hệ. Nhận biết bảng, thuộc tính, khóa chính, khóa ngoại. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải thích được đặc điểm chung của CSDL quan hệ. Mô tả được vai trò của khóa chính trong việc nhận dạng duy nhất các bản ghi. Trình bày được mục đích của khóa ngoại trong việc tạo mối liên kết giữa các bảng. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> Xác định được khóa chính – khóa ngoại cho một mô hình quản lý. Thiết kế được sơ đồ bảng có liên kết đơn giản. 	<p>2 MC (B) (NLa)</p> <p>2 MC (H) (NLa)</p> <p>2 MC (V) (NLb)</p>	<p>1 YN (B,B,H,V) (Nla, NLc)</p>		
		4.4. SQL- Ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhận biết cú pháp lệnh SQL cơ bản: SELECT, FROM, WHERE. Kể tên một số toán tử so sánh, toán tử logic dùng trong SQL. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải thích được chức năng của từng lệnh SQL trong truy vấn dữ liệu. Phân tích được câu truy vấn đơn giản. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> Viết được câu lệnh SQL đơn giản để: Lọc dữ liệu, sắp xếp, lấy theo điều kiện. 	<p>2 MC (B) (NLa)</p> <p>2 MC (H) (NLa, NLb)</p> <p>3 MC (V) (NLa, NLb, NLc)</p>	<p>1 YN (B,B,H,V) (Nla, NLc)</p>		
		Tổng		<p>10 lệnh B</p> <p>9 lệnh H</p> <p>9 lệnh V</p>	<p>6 lệnh B</p> <p>3 lệnh H</p> <p>3 lệnh V</p>		

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá			
				Trắc nghiệm khách quan			Thực hành/Tự luận
				MC (4-1)	YN (4-4)	Short Answer	
		<i>Tỉ lệ %</i>	<i>16 B = 40%, 12 H = 30%, 12 VD = 30%</i>				
		<i>Tỉ lệ chung</i>	<i>B + H = 70%</i>		<i>VD = 30%</i>		

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao có thể ra vào một trong các đơn vị kiến thức.
- Với các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận (lý thuyết/thực hành).

KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN: LỊCH SỬ - LỚP 11

I. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA: trắc nghiệm & tự luận

II. BẢNG ĐẶC TẢ, MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC									Tổng số câu hỏi TN	Tổng số câu hỏi TL	Tỉ lệ % (điểm)	
			NHẬN BIẾT			THÔNG HIỂU			VẬN DỤNG						
			TN	Đ-S	TL	TN	Đ-S	TL	TN	Đ-S	TL				
1	SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	<i>Sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã</i>	4				1					1	5	1	30%
2	QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á	<i>Quá trình xâm lược và cai trị của CNTD ở Đông Nam Á</i>	4		1		1					1	5	2	40%
		<i>Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á</i>	4				1						5		20%
	Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản	<i>Cách mạng tư sản cận đại</i>	4										4		10%
Tổng			16				3					2	19	3	100%
Tỉ lệ % (điểm)			40%			30%			30%					100%	

2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần KT		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	<i>Sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội</i>	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc và công cuộc Đổi mới ở Việt Nam đối với sự phát triển chủ nghĩa xã hội. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được quá trình hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết – Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. - Nêu được ý nghĩa của việc xuất hiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. - Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. - Phân tích được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á (Trung Quốc, Việt Nam, Lào), ở khu vực Mỹ Latinh (Cuba). - Giải thích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nét chính về những thách thức và triển vọng của chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc, Việt Nam. - Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. - Vận dụng: Thành tựu trọng công cuộc cải cách, mở cửa của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay đã để lại những bài học kinh nghiệm gì cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam? 	4TN	1ĐS	1TL
2	QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN	<i>1. Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân</i>	<p>Nhận biết-Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á (Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa). - Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây. 	1TN 1TL	1ĐS	

	TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á	<i>ở Đông Nam Á</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Lý do dẫn đến quá trình xâm nhập của tư bản phương Tây vào các nước Đông Nam Á - Quá trình xâm nhập của tư bản phương Tây vào các nước Đông Nam Á bằng những con đường nào - Xác định vị trí chiến lược của các nước ĐNA, thuận lợi và khó khăn của vị trí đó Vận dụng <ul style="list-style-type: none"> - Vì sao Xiêm là nước duy nhất ở khu vực Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây - Đặt trong bối cảnh khu vực Đông Nam Á ở thế kỉ XIX, em sẽ có những đề xuất gì để đưa Việt Nam thoát khỏi nguy cơ xâm lược của thực dân phương Tây? 			
		2. Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á	Nhận biết-Thông hiểu <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo (Indonesia, Philippines) và Đông Nam Á lục địa (Myanmar, ba nước Đông Dương). - Chỉ ra được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á trên đường thời gian. - Giải thích được sự đa dạng của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á. - Tóm tắt được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á. - Có ý thức trân trọng thành quả đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức. - Đánh giá được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở Việt Nam. - Vận dụng được những hiểu biết về quá trình giành độc lập dân tộc và phát triển ở Đông Nam Á để giải thích về sự đa dạng của các nước Đông Nam Á hiện nay. 	1TN	1ĐS	1TL
3	Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản		Nhận biết <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tiền đề của cách mạng tư sản: kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng - Trình bày được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản. 	1TN	1ĐS	
Số câu/ loại câu				16TN 1TL	3ĐS	2TL
Tỉ lệ %				50%	30%	20%
Tổng hợp chung				50%	30%	20%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÍ - KHỐI 10

Tên chủ đề	Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			
	TN 4 lựa chọn	TN dạng Đ - S	TL	TN 4 lựa chọn	TN dạng Đ - S	TL	TN 4 lựa chọn	TN dạng Đ - S	TL	
Hệ quả địa lí các chuyển động của trái đất	4				1					TN: 5 câu (2đ)
<i>Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %</i>	<i>Số câu: 4 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10%</i>				<i>Số câu: 1 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ:10%</i>					
Khí quyển	6				1					TN: 7 câu (2.5đ)
<i>Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %</i>	<i>Số câu: 6 Số điểm: 1.5 Tỉ lệ: 15%</i>				<i>Số câu: 1 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ:10%</i>					
Thủy quyển	6				1					TN: 7 câu (2.5đ)
<i>Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %</i>	<i>Số câu: 6 Số điểm: 1.5 Tỉ lệ: 15%</i>				<i>Số câu: 1 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10%</i>					
Kĩ năng vẽ và nhận xét biểu đồ									1	TL: 1 câu (3.0 đ)
<i>Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %</i>									<i>Số câu: 1 Số điểm: 3.0 Tỉ lệ: 30%</i>	
TS câu: TS điểm: Tỉ lệ: %	Số câu: 16; Số điểm: 4.0đ Tỉ lệ: 40%			Số câu: 3; Số điểm: 3.0đ Tỉ lệ: 30%			Số câu: 1; Số điểm: 3.0đ Tỉ lệ: 30%			

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: ĐỊA LÍ - Lớp 10

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất	Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất	Nhận biết - Trình bày được sự luân phiên ngày đêm và đặc điểm các mùa trong năm. Thông hiểu - Giải thích được nguyên nhân, biểu hiện của hiện tượng ngày đêm, dài ngắn theo mùa và theo vĩ độ.	4	1	
2	Khí quyển	Khí quyển, sự phân bố nhiệt độ không khí trên trái đất. Khí áp và gió.	Nhận biết - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa; đại dương; địa hình. - Trình bày được sự hình thành các đai khí áp trên Trái Đất, nguyên nhân thay đổi khí áp. Thông hiểu - Phân tích được bảng số liệu về yếu tố nhiệt độ của khí quyển.	6	1	
3	Thủy quyển	Thủy quyển, nước trên lục địa.	Nhận biết - Trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể. - Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm. Thông hiểu - Hiểu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến chế độ nước sông. - Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành.	6	1	
4	Kĩ năng vẽ và nhận xét biểu đồ		Vận dụng Nắm vững kĩ năng vẽ và nhận xét biểu đồ cột, đường			1
Số câu/ loại câu				16 câu TNKQ	3 câu TN Đ-S	1 câu TL
Tổng hợp chung				40%	30%	30%

MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT LỚP 11
NĂM HỌC 2025 – 2026
THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

BẢNG ĐẶC TẢ CHUẨN KIẾN THỨC KỸ NĂNG

STT	Nội dung kiến thức/ Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ nhận thức	Số lượng câu ở các mức độ		
				TNKQ		Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng – Sai	
1	Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	Nêu được khái niệm cạnh tranh là gì	Nhận biết	C01		
2	Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	- Nêu được khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung. - Nêu được khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu.	Nhận biết	C02		
3	Bài 3: Lạm phát	Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát	Nhận biết	C03		
		Đánh giá được các loại hình lạm phát	Thông hiểu		C1 a,b,c,d	
4	Bài 4: Thất nghiệp	Nêu được nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp	Nhận biết	C04		
5	Bài 5: Thị trường lao động và việc làm	- Nêu được các khái niệm: lao động, việc làm, thị trường lao động, thị trường việc làm - Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trường việc làm	Nhận biết	C05 C06		
		Vận dụng vấn đề việc làm để đánh giá các vấn đề thực tiễn	Vận dụng		C2 a,b,c,d	
6	Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người	- Nêu được khái niệm ý tưởng kinh doanh - Nêu được khái niệm cơ hội kinh doanh - Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh	Nhận biết	C07 C13 C08 C14		

	kinh doanh	Phân biệt được cơ hội kinh doanh cũng như việc nắm bắt cơ hội kinh doanh	Thông hiểu		C3 a,b,c,d	TL1
7	Bài 7: Đạo đức kinh doanh	- Nêu được vai trò của đạo đức kinh doanh - Nêu được biểu hiện của đạo đức kinh doanh	Nhận biết	C09 C10 C15		
		Phân tích đánh giá được việc thực hiện đạo đức kinh doanh và vai trò của đạo đức kinh doanh	Vận dụng			TL2
8	Bài 8: Văn hoá tiêu dùng	- Nêu được khái niệm văn hóa tiêu dùng - Chỉ ra được vai trò của văn hóa tiêu dùng - Nêu được những biểu hiện trong văn hóa tiêu dùng	Nhận biết	C11 C12 C16		

**KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025 – 2026**

TT	Nội dung	Năng lực và mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ %
		Trắc nghiệm 4 đáp án			Trắc nghiệm Đúng/Sai			Tự luận						Điểm
		Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
1	Bài 1: Cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường	C01									1			2,5%
2	Bài 2: Cung - cầu trong nền kinh tế thị trường	C02									1			2,5%
3	Bài 3: Lạm phát	C03				1 a,b,c,d					1	1 ĐS		12,5%
4	Bài 4: Thất nghiệp	C04									1			2,5%
5	Bài 5: Thị trường lao động và việc làm	C05 C06					2 a,b,c,d				2		1 ĐS	15%
6	Bài 6: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh	C07 C13 C08 C14				3 a,b,c,d			TL1		4	1 ĐS 1TL		30%
7	Bài 7: Đạo đức kinh doanh	C09 C10 C15								TL2	3		1TL	27,5%
8	Bài 8: Văn hoá tiêu dùng	C11 C12 C16									3			7,5%
Tổng số câu		16				2	1		1	1	16	3	2	100
Tổng số điểm		4				2	1		1	2	4,0	3,0	3,0	10.0
Tỉ lệ %		40%			30%			30%			40%	30%	30%	100%

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2025- 2026
MÔN: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 11
MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I- GDDP 11 - NĂM HỌC: 2025-2026

Tên Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Tổng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
Chủ đề 3: Văn học Thành phố Hồ Chí Minh trước năm 1975									
<i>Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %</i>	<i>Số câu: 5 Số điểm: 2.5đ Tỉ lệ 25%</i>		<i>Số câu: 2 Số điểm: 1.0đ Tỉ lệ 10%</i>			<i>Số câu: 1 Số điểm 1.5đ Tỉ lệ 15%</i>			
Chủ đề 4: Âm nhạc trong đời sống hiện nay Thành phố Hồ Chí Minh									
<i>Số câu: Số điểm: Tỉ lệ: %</i>	<i>Số câu: 5 Số điểm: 2.5đ Tỉ lệ 25%</i>		<i>Số câu: 2 Số điểm: 1.0đ Tỉ lệ 10%</i>			<i>Số câu: 1 Số điểm 1.5đ Tỉ lệ 15%</i>			
TS câu:	Số câu: 10TN		Số câu: 4TN		Số câu: 2TL				Số câu: 14TN+2TL
TS điểm:	Số điểm: 5.0đ		Số điểm: 2.0đ		Số điểm: 3.0đ				Số điểm: 10đ
Tỉ lệ: %	Tỉ lệ: 50%		Tỉ lệ: 20%		Tỉ lệ: 30%				Tỉ lệ: 100%

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026

MÔN: GDTC LỚP 11 – CẦU LÔNG

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Kỹ thuật đánh cầu ngắn.
2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

S T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	T L		
b1	Chủ đề 1: Kỹ thuật đánh cầu ngắn.	Kỹ thuật đánh cầu ngắn thuận tay dùng mặt vợt trong đánh cầu.	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Kỹ thuật đánh cầu ngắn trái tay dùng mặt vợt ngoài đánh cầu.	1	1	1	1	3	3			5		5	
		Thực hành: Kỹ thuật đánh cầu ngắn thuận tay dùng mặt vợt trong đánh cầu.								1	15			

		Thực hành: Kỹ thuật đánh cầu ngắn trái tay dùng mặt vợt ngoài đánh cầu.							1	20				25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 11- CẦU LÔNG (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kỹ thuật đánh cầu ngắn	Kỹ thuật đánh cầu ngắn thuận tay dùng mặt vợt trong đánh cầu.	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật đánh cầu ngắn thuận tay dùng mặt vợt trong đánh cầu. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kỹ thuật đánh cầu ngắn trái tay dùng mặt vợt ngoài đánh cầu.	- Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật đánh cầu ngắn trái tay dùng mặt vợt ngoài đánh cầu. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học.	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Thực hành: Kỹ thuật đánh cầu ngắn thuận tay dùng mặt vợt trong đánh cầu.	- Thông hiểu: Nắm được kỹ thuật đánh cầu ngắn thuận tay. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá.				1(2,5 đ)

		Thực hành: Kỹ thuật đánh cầu ngắn trái tay dụng mặt vợt ngoài đánh cầu.	- Thông hiểu: Nắm được kỹ thuật đánh cầu ngắn trái tay. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá.					1(2,5 đ)
--	--	---	---	--	--	--	--	----------

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026

MÔN: GDTC LỚP 11 – BƠI LỘI

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong kỹ thuật bơi trườn sấp
2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

S T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
b1	Kỹ thuật bơi trườn sấp	Kỹ thuật quạt tay trong kiểu bơi trườn sấp	1	1	1	1	3	3			5		5	

	Kỹ thuật bôi trơn sấp	1	1	1	1	3	3			5	5	50
	Thực hành: Kỹ thuật quạt tay trong kiểu bôi trơn sấp							1	15			25
	Thực hành: Kỹ thuật bôi trơn sấp							1	20			25
Tổng		2	2	2	2	6	6			10	10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức		10		10		30		50		50		

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026
Môn: GDTC Lớp 11- BƠI LỢI (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Kỹ thuật bôi trơn sấp	Kỹ thuật quạt tay trong kiểu bôi trơn sấp	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và phân tích được các giai đoạn quạt tay của kiểu bôi trơn sấp - Thông hiểu: Thực hiện động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kỹ thuật bôi trơn sấp	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và phân tích được các giai đoạn trong kiểu bôi trơn sấp - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	

		Thực hành: Kỹ thuật quạt tay trong kiểu bơi trườn sấp	- Thông hiểu: Nắm và thực hiện được các giai đoạn quạt tay của kiểu bơi trườn sấp - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng đá.				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kỹ thuật bơi trườn sấp	- Thông hiểu: Nắm và thực hiện được kiểu bơi trườn sấp - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bơi lội.				1(2,5 đ)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026

MÔN: GDTC LỚP 11 – BÓNG CHUYỀN

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 1: Chuyên bóng cao tay.
2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

S T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH		Thời gian (phút)	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
b1	Chủ đề 1: Kỹ thuật chuyền bóng cao tay	Kỹ thuật chuyền bóng cao tay	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Kỹ thuật chuyền bóng cao tay kết hợp di chuyển	1	1	1	1	3	3			5		5	
		Thực hành: Kỹ thuật chuyền bóng cao tay							1	15				25
		Thực hành: Kỹ thuật chuyền bóng cao tay kết hợp di chuyển						1	20				25	
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026
Môn: GDTC Lớp 11 BÓNG CHUYỀN (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kỹ thuật chuyên bóng cao tay	Kỹ thuật chuyên bóng cao tay	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật chuyên bóng cao tay. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kỹ thuật chuyên bóng cao tay kết hợp di chuyển	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật chuyên bóng cao tay và kết hợp di chuyển - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Thực hành: Kỹ thuật chuyên bóng cao tay	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi chuyên bóng cao tay. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng chuyên. 				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kỹ thuật chuyên bóng cao tay kết hợp di chuyển	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi chuyên bóng cao tay kết hợp di chuyển. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng chuyên. 				1(2,5 đ)

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026

MÔN: GDTC LỚP 11 – BÓNG ĐÁ

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề 2: Kỹ thuật đá bóng.
2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC VÀ SỐ CÂU KIỂM TRA

- Trắc nghiệm 10 câu (5 điểm) và thực hành (5 điểm)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

S T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	T L		
b1	Chủ đề 2: Kỹ thuật đá bóng	Kỹ thuật di chuyển đá bóng lăn sệt bằng lòng bàn chân.	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.	1	1	1	1	3	3			5		5	

		Thực hành: Kỹ thuật di chuyển đá bóng lăn sệt bằng lòng bàn chân.							1	15				25
		Thực hành: Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.							1	20				25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 11-BÓNG ĐÁ (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kỹ thuật đá bóng.	Kỹ thuật di chuyển đá bóng lăn sệt bằng lòng bàn chân.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật di chuyển đá bóng lăn sệt bằng lòng bàn chân. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hàng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân.. - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hàng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	

b1	Chủ đề 1: Kỹ thuật chuyên bóng,dẫn bóng, bắt bóng, ném rổ	Hiểu luật bóng rổ cơ bản	1	1	1	1	3	3			5		5	50
		Kỹ thuật chuyên bóng,dẫn bóng, bắt bóng,ném rổ	1	1	1	1	3	3			5		5	
		Thực hành: Kỹ thuật bắt bóng , ném rổ								1	15			
		Thực hành: Kỹ thuật chuyên bóng,dẫn bóng								1	20			25
Tổng			2	2	2	2	6	6			10		10	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			10		10		30		50		50			

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 11 – BÓNG RỔ (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề: Kỹ thuật chuyên bóng, dẫn bóng, bắt bóng, ném rổ .	Kỹ thuật chuyên bóng, dẫn bóng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác Kỹ thuật chuyên bóng, dẫn bóng . - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Kỹ thuật bắt bóng, ném rổ.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác Kỹ thuật bắt bóng, ném rổ - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	3(0,5 đ)	
		Thực hành: Kỹ thuật chuyên bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi Kỹ thuật chuyên bóng, dẫn bóng . - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu bóng rổ. 				1(2,5 đ)
		Thực hành: Kỹ thuật bắt bóng, ném rổ .	<ul style="list-style-type: none"> - Thông hiểu: Nắm được một số trò chơi Kỹ thuật bắt bóng, ném rổ. - Vận dụng: Luyện tập, rèn luyện thể dục hàng ngày, thi đấu . 				1(2,5 đ)

I. Mục đích yêu cầu:

- Kiến thức:* Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong bài 3, bài 4, bài 5.
- Năng lực:* Đánh giá năng lực , nhận thức và tư duy qua những nội dung đã học, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua hệ thống câu hỏi kiểm tra.
- Phẩm chất:* Giáo dục ý thức trung thực, tự giác, nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.

II. Hình thức và số câu kiểm tra:

- Trắc nghiệm 40 câu (10 điểm).
- Thời gian làm bài: 45 phút.

III.MA TRẬN

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	T L		
1	Bài 4. Phòng, chống tệ nạn xã hội ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập	Một số vấn đề chung về tội phạm	4	3,5	2	2,5	1	1,5			7		7,5	35
		Phòng chống tội phạm công nghệ cao và tệ nạn xã hội	4	3,5	2	2,5	1	1,5			7		7,5	

2	Bài 5: Một số vấn đề về vi pháp pháp luật bảo vệ môi trường	Môi trường, an ninh môi trường và bảo vệ môi trường	3	2,5	2	2,5	1	1,5			6	6,5	30
		Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	3	2,5	2	2,5	1	1,5			6	6,5	
3	Bài 6: Kiến thức phổ thông về phòng không nhân dân	Một số vấn đề chung về phòng không nhân dân	4	3,5	2	3,5	1	1,5			7	8,5	35
		Hoạt động phòng không nhân dân	4	3,5	2	3,5	1	1,5			7	8,5	
Tổng			22	19	12	17	6	9			40	45	100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			55		30		15				100		

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDQP- lớp 11 (Trắc nghiệm)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 1: PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP	Một số vấn đề chung về tội phạm	Nhận biết: Hiểu được một số khái niệm về tội phạm Thông hiểu: Hiểu được một số cách thức hoạt động phổ biến của tội phạm trong xã hội hiện nay Vận dụng: Nhận biết được một số loại tội phạm trong thực tế	4(1 đ)	2(0,5 đ)	1(0,25 đ)	
		Phòng chống tội phạm công nghệ cao và tệ nạn xã hội	Nhận biết: Hiểu được khái niệm về tội phạm công nghệ cao và tệ nạn xã hội Thông hiểu: Hiểu được qui định của pháp luật về xử lý tội phạm công nghệ cao và tệ nạn xã hội Vận dụng: Hiểu được cách thức hoạt động của tội phạm công nghệ cao và một số loại tệ nạn xã hội hiện nay	4(1 đ)	2(0,5 đ)	1(0,25 đ)	
2	Chủ đề 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VI PHẠM PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	Môi trường, an ninh môi trường và bảo vệ môi trường	Nhận biết: Hiểu được một số khái niệm về môi trường, an ninh môi trường và bảo vệ môi trường Thông hiểu: Hiểu được một số vấn đề liên quan đến môi trường và cách bảo vệ môi trường đất, nước, không khí. Vận dụng: Nhận biết được các loại ô nhiễm môi trường trong thực tế cuộc sống	3(0,75 đ)	2(0,5đ)	1(0,25 đ)	

		Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	<p>Nhận biết: Nêu được một số hành vi bị nghiêm cấm trong bảo vệ môi trường</p> <p>Thông hiểu: Nắm được một số luật qui định về xử lý vi phạm về môi trường</p> <p>Vận dụng: Thể hiện trách nhiệm công dân trong bảo vệ môi trường.</p>	3(0,75 đ)			
					2(0,5đ)		1(0,25 đ)
3	<p>Chủ đề:3 KIẾN THỨC PHỔ THÔNG VỀ PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN</p>	<p>Một số vấn đề chung về phòng không nhân dân</p>	<p>Nhận biết: Nắm được một số khái niệm về phòng không nhân dân</p> <p>Thông hiểu: Nắm được vị trí, chức năng, nguyên tắc hoạt động và cách tổ chức lực lượng chuyên phòng không nhân dân</p> <p>Vận dụng: Nhận biết được mục tiêu, thủ đoạn trong thực tế của địch khi tiến công đường không</p>	4(1 đ)		2(0,5 đ)	1 (0,25)
		<p>Hoạt động phòng không nhân dân</p>	<p>Nhận biết: Nắm được cách thức hoạt động phòng không trong thời bình và thời chiến</p> <p>Thông hiểu: Nắm được các bước thực hiện công tác phòng không nhân dân trong thời bình và thời chiến</p> <p>Vận dụng: Thực hiện trách nhiệm của công dân trong hoạt động phòng không nhân dân trong thực tế hiện nay</p>	4(1 đ)		2(0,5 đ)	1 (0,25)
Tổng số câu, điểm				22 5,5, đ	12 3	6 2,5 đ	
Tỉ lệ % các mức độ nhận thức				55%	30%	15%	

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Mỹ thuật 11

Năm học: 2025 - 2026

Bản đặc tả đánh giá sản phẩm

Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
			Thường xuyên	Định kỳ
Hội họa	Thể loại <i>Lựa chọn</i> – Tranh phong cảnh Hoạt động thực hành và thảo luận <i>Thực hành</i> – Chất liệu màu nước <i>Thảo luận</i> – Đặc điểm tranh chất liệu màu nước – Sản phẩm thực hành của học sinh. Định hướng chủ đề – Tự chọn.	Nhận biết: – Nhận biết được đặc điểm tranh chất liệu màu nước.	X	X
		Thông hiểu: – Phân tích, trao đổi, thảo luận trong quá trình trưng bày, đánh giá sản phẩm thực hành tranh chất liệu màu nước.	X	
		– Lựa chọn được thể loại tranh để thực hành, sáng tạo.	X	X
		Vận dụng – Thực hiện được phác thảo và hoàn thiện tranh bằng chất liệu màu nước.	X	X
		– Vận dụng được một số yếu tố và nguyên lý tạo hình trong thực hành, sáng tạo	X	X
		– Biểu đạt được cảm xúc thông qua cách vẽ.	X	X
		– Thể hiện quan điểm cá nhân trong cảm thụ và đánh giá sản phẩm, tác phẩm hội họa chất liệu màu nước	X	

MA TRẬN ĐẶC TẢ NỘI DUNG ÂM NHẠC LỚP 11 CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2025-2026

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
1	Hát	<ul style="list-style-type: none"> - Tuổi trẻ Việt Nam ơi – Nhạc và lời: Sỹ Luân. Soạn bè: Ái Cẩm. - Trống cơm – Dân ca Quan họ Bắc Ninh. Suu tầm và kí âm: Minh Châu. - Ngôi trường mùa xuân – Nhạc và lời: Cao Minh Khanh. 	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được tên bài hát, tên tác giả, nội dung, thể loại hoặc giá trị nghệ thuật của bài hát. - Nhận biết được câu, đoạn trong bài hát có hình thức rõ ràng. 	x	x
			Thông hiểu: Biết nhận xét, đánh giá về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác.	x	x
			Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. - Hát rõ lời và thuộc lời; điều tiết hơi thở hợp lí; mở rộng âm vực; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết hát đơn ca, song ca; hát tốp ca, đồng ca với 2 hoặc 3 bè đơn giản. - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. - Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp 	x	x

2	Đọc nhạc	<p><i>Bài đọc nhạc số 1</i> <i>Bài đọc nhạc số 2</i> <i>Bài đọc nhạc số 3</i></p>	<p>Nhận biết: - Đọc đúng cao độ gam pha trưởng, rê thứ Thông hiểu: Giải thích được các kí hiệu trong bài đọc nhạc, phân biệt và giải thích được sự giống và khác nhau của các nét nhạc Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm hoặc đánh nhịp</p>	x	x
3	Nhạc cụ	<p>Các bài tập tiết tấu, giai điệu và hoà âm. - <i>Bài nhạc cụ thể hiện tiết tấu, giai điệu và hoà âm của Chủ đề 1.</i> - <i>Bài nhạc cụ thể hiện tiết tấu, giai điệu và hoà âm của Chủ đề 2.</i> - <i>Bài nhạc cụ thể hiện tiết tấu, giai điệu và hoà âm của Chủ đề 3.</i></p>	<p>Nhận biết: - Biết bảo quản nhạc cụ và điều chỉnh âm thanh đúng cách. Thông hiểu: - Thể hiện đúng cao độ, trường độ sắc thái của bài tập tiết tấu, giai điệu Vận dụng: - Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu và hoà tấu - Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà, biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc - Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu và độc tấu hoặc đệm cho bài hát - Biết biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường.</p>	x	x
4	Lí thuyết âm nhạc	<p>- Giọng Pha trưởng và một số hợp âm của giọng Pha trưởng. - Giọng Rê thứ và một số hợp âm của giọng Rê thứ.</p>	<p>Nhận biết: Nhận biết được một số hợp âm của giọng pha trưởng, rê thứ.</p>	x	

			Thông hiểu: - Cảm nhận được sự hoà quyện của các âm trong hợp âm.	x	
			Vận dụng: - Biết ghi chép các bản nhạc. - Biết vận dụng kiến thức đã học khi hát, đọc nhạc, chơi nhạc cụ, tìm hiểu bản nhạc,...	x	
5	Thường thức âm nhạc	Vài nét về lịch sử Âm nhạc Việt Nam Sơ lược về nhạc thính phòng	Nhận biết: - Nêu được vài nét về các giai đoạn lịch sử âm nhạc Việt Nam - Kể được tên một số nhạc sĩ Việt Nam tiêu biểu - Biết thế nào là nhạc thính phòng. Kể tên được một số tác phẩm thính phòng.	x	
			Thông hiểu: - Trình bày được những giai đoạn phát triển chính của âm nhạc Việt Nam - Nêu được đặc điểm tiêu biểu của từng giai đoạn - Hiểu được vai trò của âm nhạc trong đời sống, trong việc gìn giữ bản sắc dân tộc - Trình bày được một số đặc điểm của nhạc thính phòng. - Biết các nhạc cụ trong dàn nhạc thính phòng.	x	
			Vận dụng: - So sánh được sự khác biệt giữa âm nhạc truyền thống và âm nhạc hiện đại. - Nghe và cảm nhận được tính chất âm nhạc, nhạc cụ tham gia diễn tấu, sắc thái, sự hòa quyện giữa các nhạc cụ	x	